

VN-Index **1755.61 (-0.62%)**
712 Tr. cổ phiếu 14580.3 Tỷ VND (-5.11%)

HNX-Index **256.61 (-1.25%)**
41 Tr. cổ phiếu 676.1 Tỷ VND (24.74%)

UPCOM-Index **124.1 (-1.30%)**
23 Tr. cổ phiếu 514.0 Tỷ VND (-1.98%)

VN30F1M **1880.80 (-0.64%)**
154,309 HD OI: 34,254 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1755.6, giảm 11.0 điểm (-0.62%). Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, giảm 13.0 điểm (-0.69%); HNXIndex giảm 3.3 điểm (-1.25%).
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số giảm điểm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Các ngành chủ lực như Bất động sản, Ngân hàng, Dầu khí đồng loạt gây áp lực. Trong khi đó, thanh khoản ở mức thấp cho thấy lực mua vẫn thận trọng.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Tài nguyên Cơ bản: HSG (+0.5%), HPG (+2.2%) | Du lịch và Giải trí: SCS (+0.1%), HVN (+1.2%), VPL (+1.3%) | Hóa chất: DGC (+1.2%), GVR (+1.4%), DPR (+1.8%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: KOS (-6.9%), LDG (-3.6%), SZC (-3.5%) | Ngân hàng: LPB (-2.1%), STB (-1.6%), SSB (-1.6%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (-3.4%), PAN (-3.0%), MSN (-2.8%) | Dầu khí: BSR (-3.8%), PLX (-3.8%), PVD (-2.4%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | HPG, VPL, GVR, BID, DMX - Chiều giảm | VHM, BSR, GAS, MCH, MSN.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 450 tỷ đồng, tập trung nhiều ở TCB, FPT, SSI, trong khi mua ròng VPB, HPG, SHB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến đỏ thân lớn có bóng phía dưới nhỏ, đà giảm đã không thu hẹp được về cuối phiên, cho thấy cung bán chiếm ưu thế. Đây đã là phiên thứ tư chỉ số vận động dưới ngưỡng MA50 ngày, hàm ý áp lực điều chỉnh khả năng trở lại chi phối. Vùng 1730 - 1740 điểm là hỗ trợ gần cần theo dõi, nơi có thể xuất hiện sự giằng co giữa cung cầu. Nếu lực cầu không đủ sức giữ vững ngưỡng này, chỉ số có nguy cơ lùi sâu hơn về vùng 1700 điểm. Ở chiều ngược lại, VN-Index cần vượt được trên ngưỡng 1790 điểm để củng cố tín hiệu phục hồi.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số áp sát ngưỡng hỗ trợ quan trọng quanh khu vực 255 điểm. Nếu phá vỡ, đà giảm có thể mở rộng về mốc 245 điểm. Kháng cự gần ở chiều hồi phục hiện quanh 266 điểm.
- **Chiến lược:** Trong bối cảnh áp lực điều chỉnh còn chiếm ưu thế, NĐT nên ưu tiên chiến lược phòng thủ, hạn chế sử dụng margin và tránh mua đuổi khi tín hiệu phục hồi chưa được xác nhận. Có thể tận dụng nhịp hồi để cơ cấu lại danh mục, hạ tỷ trọng các cổ phiếu đã suy yếu, vi phạm xu hướng và chỉ ưu tiên nắm giữ các mã còn giữ được những vùng hỗ trợ quan trọng. Một số nhóm ngành vẫn cho thấy dòng tiền giữ nhịp vận động, đáng chú ý như Đầu tư công, Khu công nghiệp.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,755.6 ▼	-0.6%	-0.3%	-1.2%	14,580.3 ▼	-5.1%	-4.9%	18.0%	712.3 ▼	-1.6%	5.8%	32.2%				
HNX-Index	256.6 ▼	-1.3%	-1.7%	-4.9%	676.1 ▲	24.7%	-22.8%	-6.8%	40.6 ▲	6.9%	-27.5%	-2.2%				
UPCOM-Index	124.1 ▼	-1.3%	-2.2%	-1.1%	514.0 ▼	-2.0%	-1.5%	-3.5%	22.5 ▼	-5.2%	-12.9%	-29.0%				
VN30	1,877.2 ▼	-0.7%	-0.8%	-1.9%	8,245.0 ▼	-8.6%	-1.1%	23.5%	269.5 ▼	-10.9%	2.8%	18.8%				
VNMID	1,838.6 ▼	-0.9%	-2.1%	-0.7%	5,167.0 ▼	-1.1%	-11.9%	12.1%	290.4 ▲	3.0%	-10.7%	16.2%				
VNSML	1,233.2 ▼	-0.9%	-1.9%	-0.4%	872.1 ▲	2.3%	-11.9%	-1.3%	64.0 ▲	7.9%	-17.6%	23.7%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	617.8 ▼	-0.4%	0.20%	-0.9%	4,251.0 ▼	-28.3%	-16.3%	-13.9%	209.8 ▼	-26.8%	-17.4%	-12.9%				
Bất động sản	993.1 ▼	-0.5%	1.39%	1.1%	1,650.7 ▼	-11.1%	-17.2%	-32.8%	77.7 ▼	-8.2%	-19.3%	-28.3%				
Dịch vụ tài chính	250.1 ▼	-1.0%	-3.83%	-4.1%	1,361.2 ▲	6.7%	-12.7%	-15.9%	82.7 ▲	4.0%	-10.5%	-14.0%				
Công nghiệp	228.9 ▼	-2.2%	-5.28%	-3.8%	1,319.8 ▲	1.1%	4.3%	29.8%	62.5 ▲	30.1%	23.9%	54.2%				
Tài nguyên cơ bản	471.7 ▲	1.7%	-0.22%	4.6%	1,080.0 ▲	113.1%	81.8%	83.6%	58.3 ▲	95.3%	66.7%	70.4%				
Xây dựng - Vật Liệu	153.8 ▼	-1.9%	-2.17%	0.9%	407.8 ▼	-24.2%	-24.8%	-8.8%	22.2 ▼	-27.5%	-25.5%	-19.4%				
Thực phẩm	484.7 ▼	-1.4%	-1.91%	-0.3%	869.0 ▲	10.3%	-6.1%	-41.8%	21.8 ▼	-0.8%	-6.5%	-30.3%				
Bán Lẻ	1,442.8 ▬	0.4%	-0.53%	2.3%	396.0 ▼	-61.9%	-32.5%	-37.9%	5.8 ▼	-62.0%	-32.3%	-31.7%				
Công nghệ	315.6 ▼	-2.2%	-7.74%	-15.7%	973.7 ▲	26.4%	45.2%	108.4%	19.2 ▲	30.6%	47.4%	106.5%				
Hóa chất	167.6 ▬	0.7%	-0.74%	-3.3%	372.2 ▲	86.5%	47.9%	22.6%	14.0 ▲	76.5%	43.8%	21.1%				
Tiện ích	727.6 ▼	-1.3%	-1.68%	-5.9%	371.7 ▲	93.7%	56.4%	47.9%	13.5 ▲	47.1%	35.9%	16.1%				
Dầu khí	108.4 ▼	-3.7%	-5.07%	-12.2%	725.2 ▲	139.3%	59.29%	19.7%	26.2 ▲	99.4%	50.5%	12.7%				
Dược phẩm	383.5 ▬	0.1%	-1.03%	-1.1%	23.6 ▼	-51.9%	-50.7%	-50.4%	1.8 ▼	-45.0%	-25.6%	-13.6%				
Bảo hiểm	106.6 ▼	-1.1%	-0.14%	-6.2%	92.1 ▲	44.8%	37.3%	23.6%	1.6 ▲	55.2%	2.5%	23.2%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,755.6 ▼	-0.62%	-1.6%	13.5x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,545 ▼	-1.37%	22.6%	14.8x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	5,098 ▼	-3.49%	-41.0%	11.7x	1.4x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,056 ▼	-0.09%	-2.0%	14.5x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,706 ▬	0.92%	-5.7%	8.5x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,651 ▼	-0.82%	-8.0%	16.3x	1.4x
Hang Seng	Hồng Kông	22,959 ▼	-0.59%	-10.4%	11.7x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	64,659 ▲	1.10%	28.4%	20.3x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,744 ▬	0.28%	13.1%	26.5x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	52,475 ▬	0.19%	9.2%	23.0x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,739 ▬	0.41%	8.1%	14.8x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,189 ▬	0.35%	6.9%	16.7x	2.4x
DXV		102.2 ▼	-0.10%	4.0%		
USDVND		25,825 ▼	-0.101%	-1.8%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

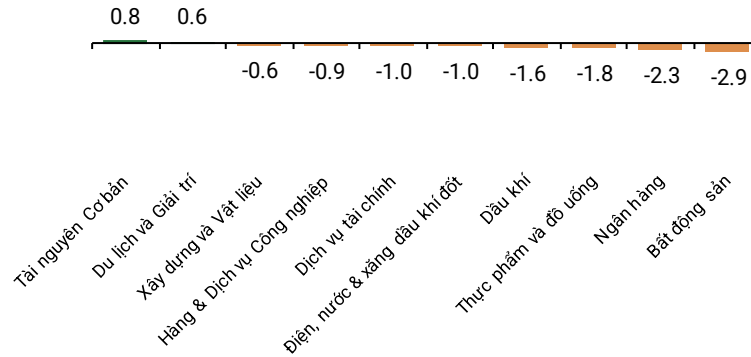
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.97%	11.3%	87.7%	75.9%
Dầu WTI	▼	-1.26%	13.5%	76.7%	67.8%
Khí gas	▲	8.0%	1.1%	-17.4%	-9.9%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-9.3%	34.7%	30.2%
Thép HRC (*)	▬	0.2%	-2.8%	-1.9%	-4.1%
PVC (*)	▬	0.8%	10.7%	15.6%	11.7%
Phân Urea	▬	0.0%	-3.9%	18.0%	15.5%
Cao su thiên nhiên	▼	-2.3%	-0.2%	38.7%	41.6%
Bông Cotton	▬	0.2%	4.2%	21.8%	18.6%
Đường	▲	1.2%	9.8%	30.4%	35.7%
World Container Index	▼	-3.4%	-0.9%	100.2%	153.7%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-1.1%	30.2%	437.2%	419.1%
Vàng	▼	-0.98%	-3.7%	-6.8%	2.5%
Bạc	▼	-2.34%	-14.2%	-26.4%	10.9%

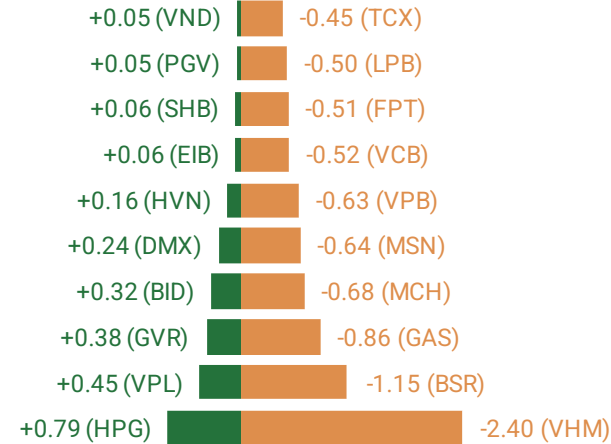
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

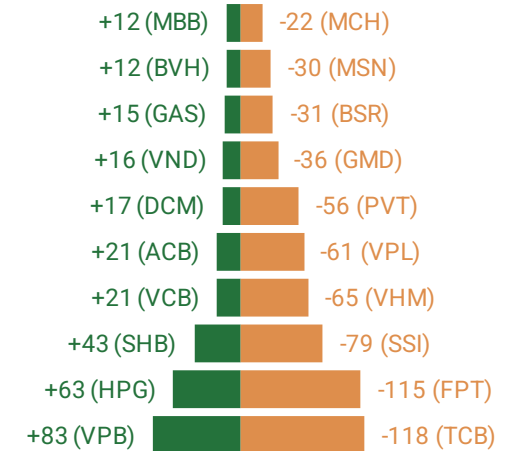
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



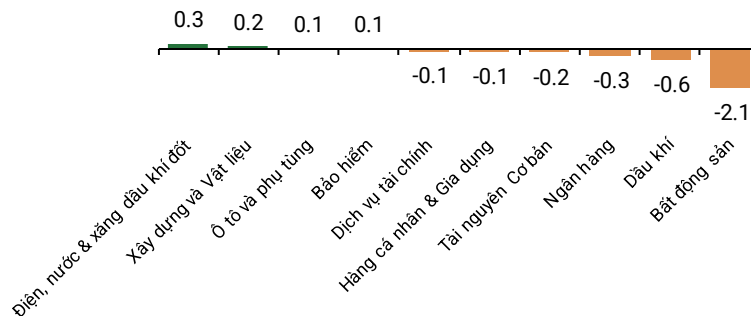
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



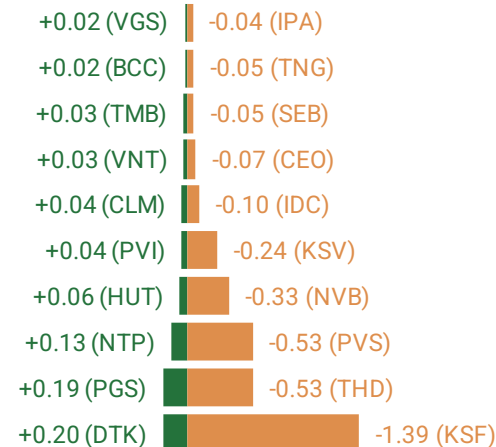
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



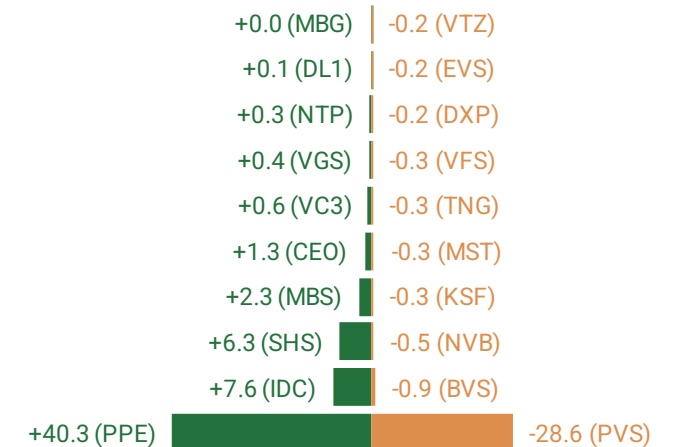
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	HPG	FPT	TCB	PVT	VIC
%DoD	2.2%	-2.4%	0.0%	-6.8%	0.0%
Giá trị	775	671	532	457	407

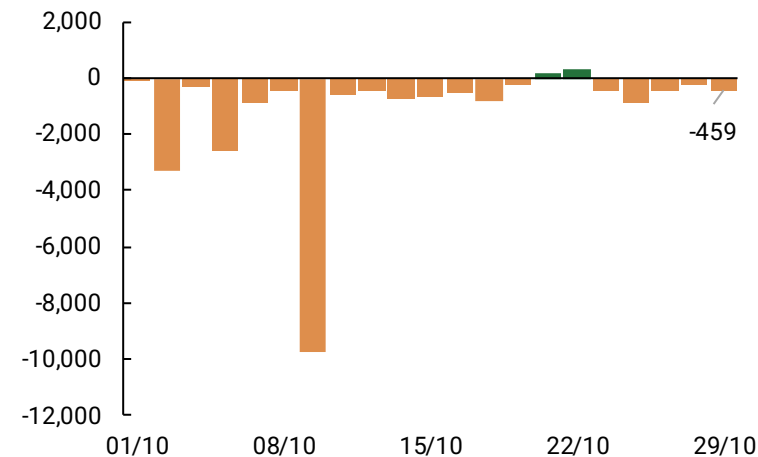
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



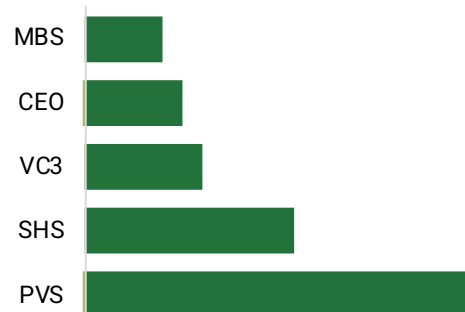
	HDB	MSB	FPT	VPB	VJC
%DoD	-0.7%	0.3%	-2.4%	-1.3%	0.1%
Giá trị	369	312	286	143	82

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)

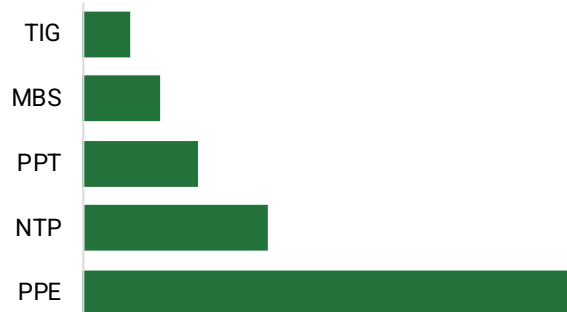


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



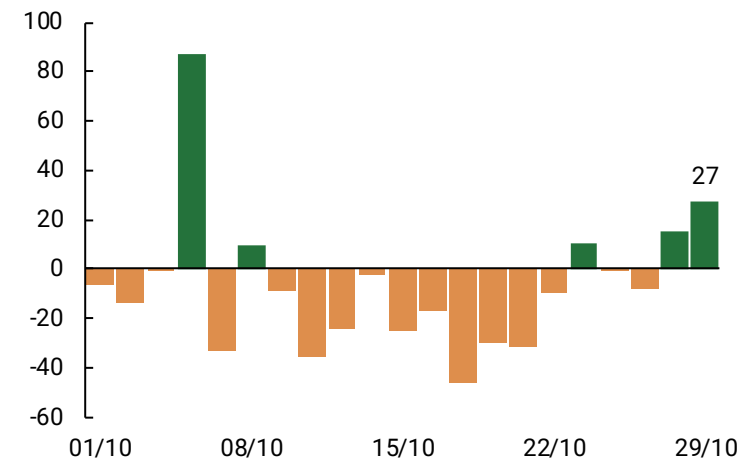
	PVS	SHS	VC3	CEO	MBS
%DoD	-4.7%	0.0%	0.9%	-1.8%	0.0%
Giá trị	146	79	44	37	29

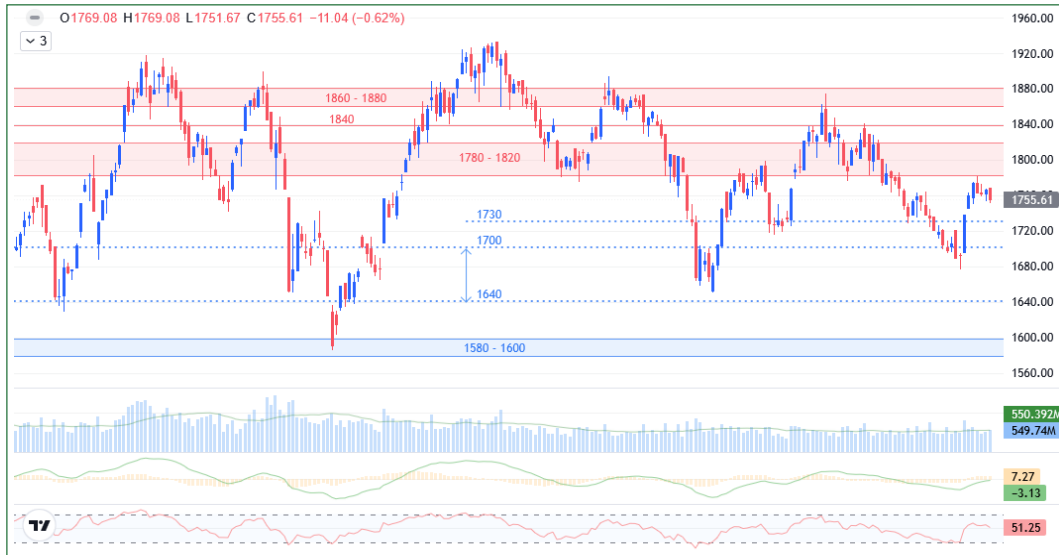
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	PPE	NTP	PPT	MBS	TIG
%DoD	-9.7%	2.1%	-9.6%	0.0%	0.0%
Giá trị	40	15	9	6	4

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến đỏ thân lớn có bóng phía dưới nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1660 | 1730.
- ✓ Kháng cự: 1780 | 1820.
- ✓ MACD, RSI trung tính.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong kênh điều chỉnh.

Kịch bản: Lực cung trở lại chi phối khiến chỉ số tiếp tục dao động dưới ngưỡng MA50 ngày. Điều này gia tăng khả năng chỉ số cần hạ nhiệt về mốc hỗ trợ thấp hơn để củng cố lại đà. Khu vực hỗ trợ gần quanh 1730 điểm. Nếu bị phá vỡ, đà giảm có thể mở rộng về lại vùng đáy gần quanh 1680 điểm. Chiều ngược lại, đà tăng chỉ được xác nhận khi chỉ số vượt thành công mốc 1790 điểm, khi đó, đà hồi phục có thể mở rộng lên ngưỡng 1820 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Doji, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1865
- ✓ Kháng cự: 1920 | 1960.
- ✓ MACD, RSI trung tính.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong kênh điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Chỉ số lùi về sát vùng hỗ trợ quan trọng, quanh khu vực 1865 điểm. Nếu phá vỡ mốc này, đà phục hồi sẽ bị vi phạm và gia tăng khả năng chỉ số điều chỉnh về lại khu vực đáy gần, quanh 1820 điểm. Chiều ngược lại, chỉ số cần vượt được kháng cự 1920 điểm để tiếp tục củng cố xu hướng hồi phục.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	--------------	---------------	-----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	CSV	Mua	21/10/2026	-	23.3	23.7 - 23.9	-2.1%	26	9.2%	22	-7.6%	
2	TCB	Mua	21/10/2026	-	22.35	22.75 - 22.95	-2.2%	25.35	10.9%	21.3	-6.8%	
3	ANV	Mua	22/10/2026	-	16.9	17.6 - 17.8	-4.5%	20	13.0%	16.5	-6.8%	
4	TCH	Mua	22/10/2026	-	12.2	11.85 - 11.95	2.5%	13.2	10.9%	11	-7.6%	
5	CTD	Mua	26/10/2026	-	64.7	65 - 66	-1.2%	72	9.9%	61.5	-6.1%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** kết phiên tại 1880.8, giảm 12.2 điểm (-0.6%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD vẫn duy trì dưới đường tín hiệu, hàm ý áp lực nghiêng về điều chỉnh. Dù vậy, khu vực quanh 1875 – 1880 là hỗ trợ mạnh và giá đã có phản ứng kiểm định tốt. Vị thế Short chỉ nên cân nhắc khi giá xác nhận phá vỡ dưới ngưỡng 1874, hoặc có thể chờ khi giá phục hồi và suy yếu dưới ngưỡng 1888. Vị thế Long cân nhắc khi giá trở lại vận động trên ngưỡng 1900.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1784.2, giảm 17.5 điểm (-1.0%). Độ lệch basis 1.5 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 20 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1780 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1800 điểm.

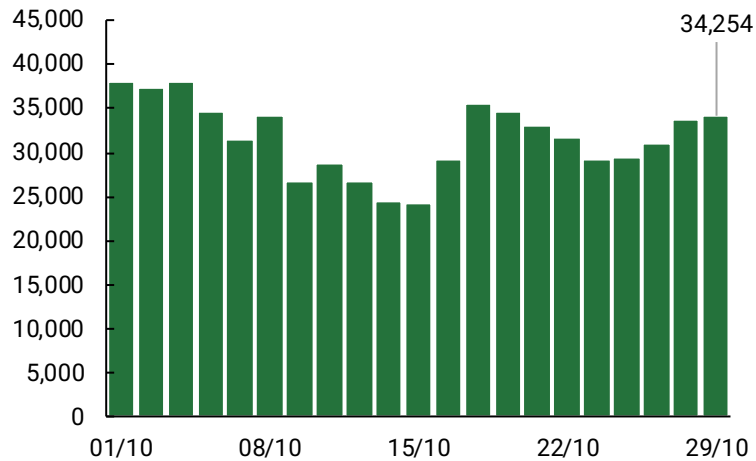
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Short	< 1888	1874	1895	14 : 7
Short	< 1874	1860	1882	14 : 8
Long	> 1900	1915	1892	15 : 8

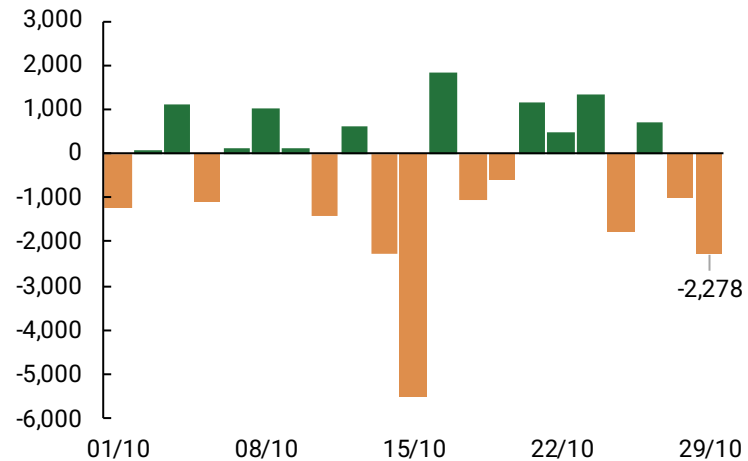
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H6000	1,876.6	-9.0	5	26	1,897.6	-21.0	17/06/2027	231
4111H3000	1,877.3	-12.0	6	333	1,889.5	-12.2	18/03/2027	140
4111GC000	1,880.5	-11.4	353	1,804	1,881.5	-1.0	17/12/2026	49
4111GB000	1,880.8	-12.2	154,309	34,254	1,879.0	1.8	19/11/2026	21
4112GB000	1,784.2	-17.5	20	29	1,784.5	-0.3	19/11/2026	21

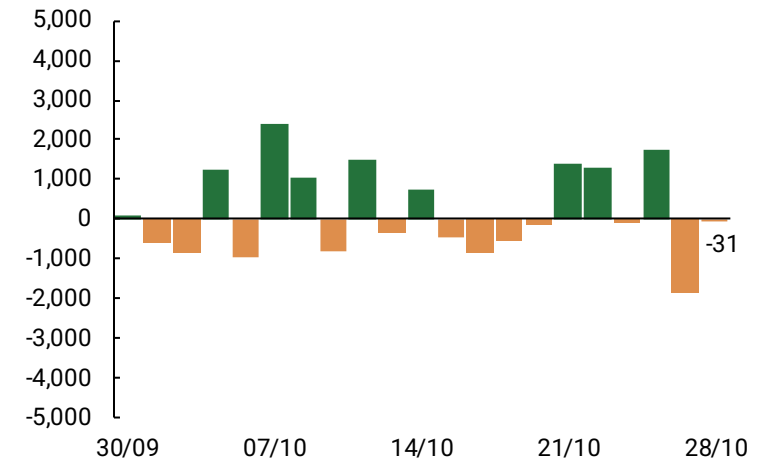
Khối lượng mở (Open interest)



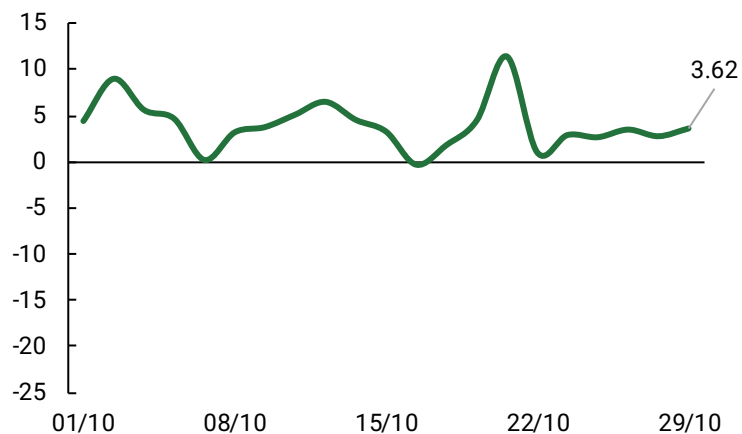
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



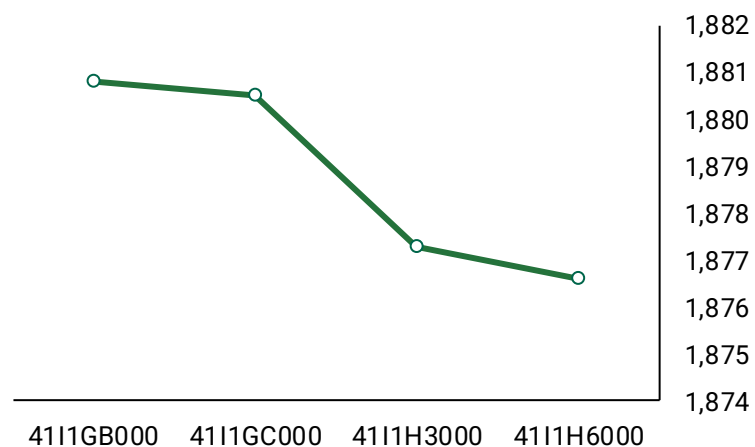
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



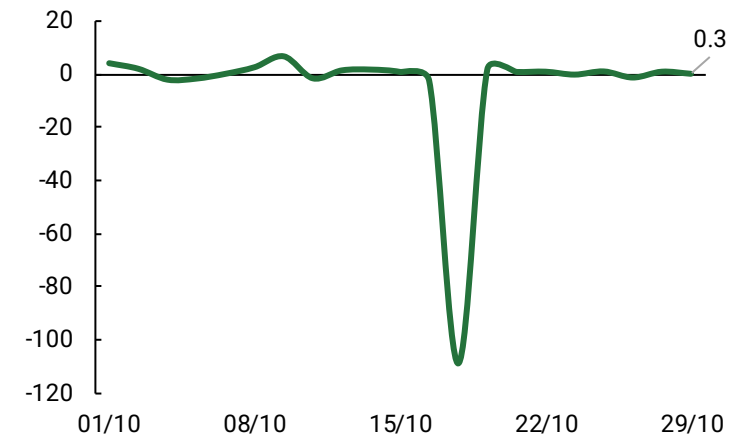
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	27,650	31,150	12.7%	Tăng tỷ trọng
CTD	64,700	79,600	23.0%	Mua
CTG	30,700	39,700	29.3%	Mua
DBD	45,950	56,700	23.4%	Mua
DDV	16,393	29,000	76.9%	Mua
DGW	42,500	48,300	13.6%	Tăng tỷ trọng
DHC	37,500	42,900	14.4%	Tăng tỷ trọng
DPG	30,200	42,900	42.1%	Mua
FRT	147,700	177,400	20.1%	Mua
GMD	52,100	62,600	20.2%	Mua
HAH	49,050	55,800	13.8%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,200	28,700	35.4%	Mua
MBB	19,700	25,200	27.9%	Mua
MCH	137,300	148,500	8.2%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MWG	75,800	108,800	43.5%	Mua
NT2	22,900	24,800	8.3%	Nắm giữ
POW	12,400	15,500	25.0%	Mua
PVT	21,300	26,000	22.1%	Mua
SSI	19,600	31,200	59.2%	Mua
TCB	22,350	26,200	17.2%	Tăng tỷ trọng
TCH	12,200	14,216	16.5%	Tăng tỷ trọng
TLG	52,500	59,700	13.7%	Tăng tỷ trọng
VCB	57,200	72,100	26.0%	Mua
VPB	23,200	29,500	27.2%	Mua

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

01/10	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI
02/10	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
06/10	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 3/202
07/10	Việt Nam – FTSE Russell công bố xếp hạng thị trường
14/10	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
14 – 15/10	Mỹ – Chỉ số CPI Mỹ – Chỉ số PPI
15/10	Việt Nam – Đảo hạn HDTL VN30, VN100
19/10	Trung Quốc – GDP Q3, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
20/10	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Hạn BCTC quý 3/2026 đơn lẻ
29/10	Mỹ – Fed công bố lãi suất, GDP Q3 lần đầu, Chỉ số PCE EU – ECB công bố lãi suất
30/10	Việt Nam – Danh mục HNX30 có hiệu lực; Hạn BCTC quý 3/2026

THÔNG TIN VĨ MÔ

Fed giữ nguyên lãi suất ở mức 3.75–4% dù lạm phát tiếp tục tăng: Ngày 28/10, Fed quyết định giữ nguyên lãi suất quỹ liên bang ở phạm vi 3.75–4%, sau đợt tăng vào tháng 9, lần đầu tiên trong hơn ba năm. Trong tuyên bố, FOMC cho biết việc thu thập thêm thông tin sẽ giúp xác định lập trường chính sách phù hợp để đưa lạm phát sớm về mục tiêu 2%. CPI tháng 9 của Mỹ tăng 3.7%, cao hơn mức 3.4% của tháng 8.

Chính phủ phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại vốn Nhà nước tại doanh nghiệp giai đoạn 2026–2030: Theo Quyết định 2054/QĐ-TTg ngày 27/10, 3 ngân hàng thuộc diện cơ cấu lại vốn: tỷ lệ vốn Nhà nước tại BIDV (76.73%) và Vietcombank (74.8%) được định hướng duy trì từ 65% trở lên, tại VietinBank (64.46%) dự kiến đạt 65%. Nhà nước dự kiến giảm sở hữu tại VIMC xuống 65% và tại VRG từ 96.77% xuống 75% vào năm 2030; giữ nguyên tỷ lệ vốn tại 15 doanh nghiệp như PVN, EVN, TKV.

WB dự báo giá hàng hóa toàn cầu tăng 23% vào cuối năm 2026: Theo báo cáo Triển vọng thị trường hàng hóa công bố ngày 28/10, WB dự báo giá hàng hóa toàn cầu tăng 23% vào cuối năm 2026 do giá năng lượng tăng cao, các cuộc xung đột và hiện tượng El Nino. Giá thực phẩm được dự báo tăng 10% trong năm 2026 và thêm 7% vào năm 2027.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

HPG - Hòa Phát đạt LNST quý 3 là 8,265 tỷ đồng, tăng 106% YoY, vượt kế hoạch năm sau 9 tháng: Quý 3/2026, Hòa Phát đạt doanh thu 62,669 tỷ đồng (+70% YoY) và LNST 8,265 tỷ đồng (+106%). Lũy kế 9 tháng, doanh thu 171,539 tỷ đồng (+54%), LNST 23,746 tỷ đồng (+104%), hoàn thành 82% kế hoạch doanh thu và 108% kế hoạch lợi nhuận năm. Trong quý 3, tập đoàn sản xuất 3.7 triệu tấn thép thô (+85% YoY), sản lượng bán thép 3.8 triệu tấn (+54%), trong đó HRC trên 2 triệu tấn.

VRE - Vincom Retail đạt LNST 9 tháng 4,737 tỷ đồng, tăng 25.1% YoY: Quý 3/2026, Vincom Retail đạt doanh thu thuần hợp nhất 2,374 tỷ đồng (+5.5% YoY) và LNST 1,522 tỷ đồng (+10.6%); nếu loại trừ thu nhập bất thường quý 3/2025, LNST tăng 25.6%. Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần 7,041 tỷ đồng (+7.9%), LNST 4,737 tỷ đồng (+25.1%), lần lượt đạt 72% và 88% kế hoạch năm.

PVT - PVTrans: LNST quý 3 tăng 42% YoY, vượt kế hoạch lợi nhuận năm sau 9 tháng: Quý 3/2026, PVTrans đạt doanh thu thuần hợp nhất hơn 5,600 tỷ đồng (+27% YoY), lợi nhuận ròng tăng 42%, chủ yếu nhờ đóng góp của các tàu mới đầu tư trong năm 2025–2026 và hiệu quả khai thác đội tàu tăng khi giá cước thuận lợi. Mạng dịch vụ vận tải đạt doanh thu trên 3,500 tỷ đồng (+40%), lãi gộp 728 tỷ đồng (+38%), đóng góp khoảng 92% lợi nhuận gộp.

DGC - Hóa chất Đức Giang: LNST 9 tháng giảm 45.9% YoY khi khai trường 25 tạm dừng: Quý 3/2026, DGC đạt doanh thu 2,469.45 tỷ đồng (-12.3% YoY) và LNST 506.68 tỷ đồng (-37%); biên lợi nhuận gộp giảm từ 31.1% xuống 20.5%. Theo công ty, chi phí nguyên vật liệu như lưu huỳnh, điện, than cốc tăng mạnh, đồng thời khai trường 25 tạm dừng phục vụ công tác điều tra nên phải dùng lượng nhập khẩu và mua ngoài. Lũy kế 9 tháng, LNST 1,369.4 tỷ đồng (-45.9%), đạt 85.6% kế hoạch năm.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

www.phs.vn

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415